

**BỘ TÀI CHÍNH**

-----

Số: 1034/QĐ-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH****VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LĂNG PHÍ  
NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH***Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 ngày 26/11/2013;**Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;**Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;**Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025;**Căn cứ Quyết định số 2603/QĐ-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025 của Bộ Tài chính;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2025 của Bộ Tài chính.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thực hiện trong năm 2025. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG****Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, KHTC.

## **Nguyễn Đức Tâm**

### **CHƯƠNG TRÌNH**

#### **THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2025 CỦA BỘ TÀI CHÍNH (Kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-BTC ngày 18/03/2025 của Bộ Tài chính)**

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là THTK, CLP) là trách nhiệm của tất cả các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án, các doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính (gọi tắt là các đơn vị thuộc Bộ Tài chính) và công chức, viên chức, người lao động (viết tắt là CCVC, NLĐ) trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2025 và Quyết định số 2603/QĐ-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2021- 2025 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2025 để thực hiện trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

##### **1. Mục tiêu**

1.1. Thực hiện kiên quyết, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp hữu hiệu trong công tác THTK, CLP, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ, nắm bắt cơ hội, đẩy lùi thách thức, tăng tốc, bứt phá về đích, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2021-2025, gia tăng nguồn lực chăm lo cho Nhân dân, làm giàu cho đất nước trong giai đoạn cách mạng mới, xây dựng tương lai tốt đẹp, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

1.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, các cấp ủy Đảng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong việc đẩy mạnh THTK, CLP để tiếp tục phòng ngừa, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tình trạng lãng phí, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị và phát triển ngành Tài chính.

1.3. Quy định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt trong nhận thức về THTK, CLP, đưa công tác THTK, CLP đi vào thực chất với những kết quả cụ thể; đồng thời, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như giải pháp, biện pháp cần thực hiện trong năm 2025 đối với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đã đề ra.

1.4. Nâng cao ý thức trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và CCVC, NLĐ trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính về THTK, CLP.

1.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, các dự án, doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính, đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (NSNN), giải ngân vốn đầu tư công theo dự toán, kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền giao.

1.6. Đưa công tác THTK, CLP là một nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

1.7. Làm căn cứ cho các đơn vị thuộc Bộ Tài chính xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động về THTK, CLP thuộc lĩnh vực và phạm vi quản lý của đơn vị.

1.8. Xây dựng văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

## 2. Yêu cầu

2.1. Mục tiêu, chỉ tiêu THTK, CLP của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính năm 2025 phấn đấu không thấp hơn mục tiêu, chỉ tiêu trong Chương trình 2025 của Bộ Tài chính và quy định trong Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác THTK, CLP; chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về phòng chống lãng phí; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị. Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP, Chương trình hành động số 13-CTr/ĐU ngày 06/03/2024 của Đảng ủy Bộ Tài chính về thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Tài chính về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. THTK, CLP gắn liền và bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp tại Chương trình tổng thể về THTK, CLP của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025; gắn với hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

2.3. Các chỉ tiêu THTK, CLP trong các lĩnh vực phải được lượng hóa tối đa, phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm thực chất, làm cơ sở cho việc đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện theo quy định.

2.4. Chương trình THTK, CLP phải chỉ rõ các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu, chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá về THTK, CLP; phải đảm bảo tính toàn diện, nhưng cần có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm đối với từng cơ quan, đơn vị, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong việc xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các văn bản về THTK, CLP, qua đó tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong nhận thức về công tác THTK, CLP, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách, kế hoạch vốn và tài sản nhà nước tại các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

2.5. THTK, CLP phải gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát, thúc đẩy cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

2.6. THTK, CLP phải được tiến hành thường xuyên, liên tục ở mọi lúc mọi nơi với sự tham gia của tất cả CCVC, NLĐ và các tổ chức đoàn thể.

### **3. Đối tượng áp dụng**

Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và CCVC, NLĐ trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

## **II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

THTK, CLP năm 2025 được thực hiện trên tất cả các lĩnh vực theo quy định của Luật THTK, CLP, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực sau:

### **1. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của NSNN**

#### **1.1. Nhiệm vụ trọng tâm**

a) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; THTK, CLP, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội và sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

b) Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu THTK, CLP ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

#### **1.2. Chỉ tiêu thực hiện**

a) Trong năm 2025, thực hiện siết chặt kỷ luật tài khóa - ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả và theo đúng dự toán được Bộ Tài chính giao. Kiên quyết triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực bổ sung vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ phục hồi kinh tế; phấn đấu tăng cao hơn nữa tỷ lệ chi đầu tư phát triển; chi ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; phân bổ và giao dự toán đúng thời hạn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó chú trọng các nội dung sau:

- Ngoài số tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, trong tổ chức thực hiện, các đơn vị phấn đấu tiết kiệm thêm khoảng 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 (loại trừ các khoản chi lương, có tính chất tiền lương, chi cho con người, các khoản phải bố trí đủ theo cam kết quốc tế, các nhiệm vụ chính trị, chuyên môn đặc thù, quan trọng không thực hiện cắt giảm và phần tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết của Trung ương) để dành nguồn giảm

bội chi NSNN hoặc cho các nhiệm vụ cấp thiết, phát sinh, thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội hoặc bỗ sung tăng chi đầu tư công.

- Kiểm soát chặt chẽ công tác lập, phân bổ, quản lý, sử dụng chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là các khoản chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hạng mục công trình bảo đảm đúng quy định pháp luật, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách tiền lương và nâng cao thu nhập của viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

### **1.3. Giải pháp thực hiện**

a) Thực hiện nghiêm các quy định của Luật NSNN trong tất cả các khâu: lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí NSNN. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và điều hành dự toán NSNN. Hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách để chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế, chống thất thu NSNN.

- Vụ Ngân sách nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng phương án sửa đổi Luật Ngân sách nhà nước, gắn với việc sửa đổi cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi một cách tổng thể, thận trọng, có đánh giá tác động đầy đủ nhằm bao đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương trình Quốc hội xem xét, quyết định; tập trung xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn các Luật mới được Quốc hội thông qua: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; đẩy mạnh phân cấp đồng thời nâng cao tính chủ động cho các địa phương trong việc quyết định, sử dụng ngân sách; xây dựng cơ chế, chính sách quản lý tài chính, ngân sách đặc thù đối với một số địa phương có điều kiện, đặc biệt là các đô thị lớn nhằm huy động các nguồn thu, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập để tháo gỡ các vướng mắc trong việc thực hiện cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất sửa đổi Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 theo hướng làm rõ nội hàm khái niệm "tiết kiệm", "lãng phí"; các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bao đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan đến THTK, CLP đồng thời làm cơ sở xác định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan, cụ thể hóa hành vi vi phạm gắn với trách nhiệm của người đứng đầu và hình thức xử lý phù hợp.

- Tập trung xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn các Luật mới được Quốc hội thông qua.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để hiện đại hóa công tác quản lý, tiết kiệm nguồn lực: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ dự án đầu tư công, quản lý tài sản công và ngân sách nhà nước, đẩy mạnh số hóa quy trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công, lập dự toán và công tác kê toán, quyết toán ngân sách nhà nước, quản lý, giám sát vốn đầu tư công...

b) THTK, CLP trong một số nội dung chi thường xuyên NSNN:

- Tiếp tục tăng cường sử dụng hình thức họp trực tuyến trong chỉ đạo, điều hành và xử lý các công việc trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, qua đó tiết kiệm chi phí đi lại, ăn ở... của đại biểu.
- Thực hiện tốt quy định về chế độ chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo; chế độ tiếp khách trong nước và quốc tế; hạn chế phô trương, hình thức, tiếp khách tràn lan gây lãng phí NSNN.
- Thực hiện lồng ghép các nội dung, vấn đề, công việc cần xử lý để kết hợp tổ chức các cuộc họp một cách hợp lý. Tùy theo tính chất, nội dung, mục đích, yêu cầu của cuộc họp, người triệu tập cuộc họp phải cân nhắc kỹ và quyết định thành phần, số lượng người tham dự cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả.
- Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 2828/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 05/CT-BTC ngày 23/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về nâng cao hiệu quả công tác quản lý và THTK trong việc tổ chức đoàn đi công tác nước ngoài. Tập trung bố trí kinh phí cho các đoàn đi đàm phán, thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ quy định; hạn chế tối đa các đoàn đi học tập, khảo sát, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, bao gồm cả đối với các dự án hỗ trợ kỹ thuật, các dự án ODA và các dự án có sử dụng nguồn kinh phí từ NSNN.

Thực hiện quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào đúng người, đúng mục đích và phải căn cứ vào dự toán và danh mục đoàn ra, đoàn vào được phê duyệt từ đầu năm của mỗi cơ quan, đơn vị sử dụng NSNN. Hạn chế tối đa các đoàn đi công tác nước ngoài bổ sung không theo dự toán, danh mục từ đầu năm; chỉ bổ sung khi có nhiệm vụ đột xuất, đặc biệt cần thiết.

- Thực hiện nghiêm quy định chế độ công tác phí đối với CCVC đi công tác trong nước. Các trường hợp áp dụng khoán công tác phí, trường hợp thanh toán theo thực tế, hồ sơ, thủ tục, chứng từ thanh toán... phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện.

c) Rà soát các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định để ưu tiên bố trí nguồn lực đối với các chương trình, dự án cần thiết, hiệu quả; cắt giảm các chương trình, dự án có nội dung trùng lặp, kém hiệu quả. Thực hiện tiết kiệm triệt để trong quản lý, sử dụng kinh phí các đề tài nghiên cứu khoa học.

d) Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, tăng cường đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, khuyến khích phân cấp, phân quyền, giao quyền tự chủ cho các đơn vị sử dụng

NSNN, gắn với tăng cường trách nhiệm của các đơn vị sử dụng NSNN, cá thể hoá trách nhiệm cá nhân trong quản lý, sử dụng NSNN và các nguồn lực tài chính công.

đ) Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII: Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng nâng cao mức độ tự chủ tài chính, tăng cường phân cấp và tăng cường tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính trên cơ sở có tính đến đặc điểm của từng loại hình dịch vụ, khả năng và nhu cầu thị trường, trình độ quản lý. Trong thời gian chờ các cấp có thẩm quyền sửa đổi Nghị định bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục triển khai tích cực, hiệu quả theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản có liên quan quy định về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Thực hiện nghiêm túc công khai, dân chủ trong điều hành, tổ chức thực hiện dự toán, mua sắm tài sản, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật về quy chế công khai tài chính đối với các cấp NSNN, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng vốn NSNN.

g) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Bộ Tài chính sử dụng kinh phí NSNN chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về quyết toán NSNN của đơn vị mình và có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt quyết toán NSNN đối với đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của pháp luật. Nghiêm cấm việc quyết toán chi NSNN không có khối lượng, không đúng thủ tục, sai nội dung; phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp chi sai quy định.

h) Điều hành, quản lý chi NSNN trong phạm vi dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định; thực hiện triệt để tiết kiệm toàn diện các nội dung chi, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên NSNN.

i) THTK, CLP trong việc sử dụng điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm... (*Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm*).

## 2. Trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công

### 2.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Đẩy mạnh phân bô, triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các chương trình, dự án, công trình quan trọng, các công trình mang tính kết nối liên tỉnh, liên vùng. Tập trung rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết, cấp bách, ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh và bền vững; xác định đây là một trong các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tập trung ưu tiên trong chỉ đạo điều hành, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị. Thu hồi triệt để các dự án treo và đẩy nhanh việc thu hồi các tài sản, đất đai nhà nước bị thất thoát, vi phạm theo các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

## **2.2. Chỉ tiêu thực hiện**

- a) Việc phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, trật tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; thanh toán đủ số nợ đọng đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật.
- b) Siết chặt kỷ cương, kỷ luật đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp thực hiện, giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- c) Thực hiện nghiêm các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư công theo đúng quy định.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác; sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án đã hoàn thành nhiều năm, không để lãng phí.

- d) Đánh giá kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 để xác định nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với các mục tiêu, định hướng phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

## **2.3. Giải pháp thực hiện**

- a) Tiếp tục rà soát các văn bản pháp lý liên quan đến triển khai, thực hiện dự án đầu tư công để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.
- b) Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án đầu tư, lựa chọn các tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, tiềm lực thực sự, khắc phục tối đa tình trạng điều chỉnh dự án khi đang triển khai, gây mất thời gian và làm chậm tiến độ giải ngân vốn. Lựa chọn dự án đã bảo đảm về thủ tục đầu tư xây dựng để khi dự án được giao kế hoạch vốn có thể triển khai ngay. Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án, hạn chế các nội dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế, thi công; hạn chế tối đa tình trạng điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án.
- c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để hiện đại hóa công tác quản lý, tiết kiệm nguồn lực: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ dự án đầu tư công, quản lý tài sản công và ngân sách nhà nước; đẩy mạnh công tác số hóa quy trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công, lập dự toán và công tác kế toán ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước, quản lý, giám sát vốn đầu tư công; hiện đại hóa công tác quản lý vốn đầu tư công như kết nối thông tin, chương trình, báo cáo liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan, xây dựng cổng thông tin minh bạch về các dự án đầu tư công, bảo đảm công khai, hạn chế thất thoát, lãng phí...

- d) Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư công, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn, đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, chống lãng phí, thất thoát. Dự án, công trình triển khai không đúng tiến độ phải kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh, điều chuyển kế hoạch vốn cho những dự án, công trình có tiến độ triển khai nhanh còn thiếu vốn. Tập trung bố trí kế hoạch vốn đối với các dự án thực sự cấp bách; khi đã bố trí đủ vốn để xử lý nợ đọng xây dựng phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định, không bố trí vốn cho các công trình, dự án không đúng quy định. Có chế tài xử lý nghiêm theo quy định pháp luật các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tổ chức, cá nhân có tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công. Thay thế kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, trì trệ, gây nhũng nhiễu, tiêu cực, kiên quyết xử lý các hành vi tiêu cực trong quản lý đầu tư công.
- đ) Các đơn vị, các chủ đầu tư thuộc Bộ Tài chính phải chuẩn bị tốt, lựa chọn dự án đã bảo đảm về thủ tục đầu tư xây dựng để khi dự án được giao kế hoạch vốn có thể triển khai ngay, khắc phục ngay tình trạng dự án được giao kế hoạch vốn nhưng không triển khai được trong khi một số dự án có nhu cầu thì không được bố trí kế hoạch vốn. Nâng cao chất lượng công tác khảo sát, thiết kế, giải pháp thi công, thẩm định dự án, hạn chế các nội dung phát sinh dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế, thi công; hạn chế tối đa tình trạng điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các giải pháp thiết kế, thi công áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng và hạn chế khí thải, góp phần phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.
- e) Áp dụng hình thức đấu thầu phù hợp với tính chất dự án, đúng quy định pháp luật, lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực thi công, lựa chọn hình thức Hợp đồng phù hợp theo quy định. Tập trung chỉ đạo, xử lý ngay các dự án sử dụng vốn nhà nước đầu tư lãng phí, kém hiệu quả, làm rõ và xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan.
- g) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường, đôn đốc các nhà thầu, tư vấn đẩy nhanh tiến độ. Tăng cường công tác kiểm tra việc tạm ứng hợp đồng, tạm ứng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý việc sử dụng vốn tạm ứng không đúng quy định của chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị cung ứng.
- h) Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo thường xuyên cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư công, Ban Quản lý dự án.

### **3. Trong quản lý, sử dụng tài sản công**

#### **3.1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, tập trung vào việc sắp xếp, xử lý tài sản, đặc biệt là các cơ sở nhà, đất thuộc trường hợp không sử dụng, sử dụng sai mục đích, sử dụng kém hiệu quả gắn với việc sắp xếp, tổ chức tinh gọn bộ máy.

#### **3.2. Chỉ tiêu thực hiện**

a) Trong năm 2025 tập trung đẩy nhanh công tác sáp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định. Có các giải pháp xử lý cơ bản các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý chứng minh nguồn gốc. Kiểm tra việc thực hiện phương án sáp xếp các cơ sở đã được phê duyệt, nhất là các cơ sở nhà, đất phải thu hồi, đấu giá. Đẩy nhanh tiến độ sáp xếp lại, xử lý nhà, đất, tài sản các cơ quan, đơn vị sau sáp nhập và phê duyệt phương án sáp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, không để lãng phí, sai phạm, lấn chiếm, chuyển đổi, sử dụng sai mục đích hoặc để hoang hóa. Đồng thời xử lý dứt điểm các cơ sở nhà, đất, tài sản công khác thuộc trường hợp không sử dụng, sử dụng sai mục đích, sử dụng kém hiệu quả.

b) Cục Quản lý công sản tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó tập trung việc sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, định mức đối với một số loại tài sản công; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với một số loại tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, làm cơ sở để tổ chức khai thác có hiệu quả nguồn lực tài chính từ các loại tài sản này; tập trung xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn các Luật mới được Quốc hội thông qua: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Hoàn thành công tác Tổng kiểm kê tài sản công theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và tiếp tục cập nhật đầy đủ thông tin về tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

### **3.3. Giải pháp thực hiện**

a) Hướng dẫn, quy định các nội dung về quản lý, sử dụng và xử lý tài sản trong các đơn vị thuộc Bộ Tài chính phải đảm bảo theo đúng quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định của Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan.

b) Tiếp tục hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công và từng bước nâng cấp Cơ sở dữ liệu tài sản ngành Tài chính, đảm bảo phù hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia và yêu cầu quản lý đặc thù đối với các đơn vị thuộc Bộ Tài chính. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, cập nhật thông tin tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để hiện đại hóa công tác quản lý, tiết kiệm nguồn lực: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát, quản lý tài sản công.

c) Thực hiện việc mua sắm tập trung đối với những hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định về mua sắm tập trung của Nhà nước.

d) Thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các cơ sở nhà đất, diện tích đất không đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, không đúng kế hoạch sử dụng đất, lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và đất lấn chiếm trái quy định tại các đơn vị trong Bộ Tài chính.

đ) Tiếp tục chủ động tháo gỡ các vướng mắc và những tồn tại trong thực hiện phương án sáp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất. Rà soát, kiểm tra, kịp thời đề xuất và báo cáo cấp thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước xem xét, giải quyết đối với những trường hợp cơ sở nhà, đất phát sinh

trong quá trình triển khai thực hiện hoặc các cơ sở nhà, đất chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án.

e) Rà soát tổng thể, kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện phương án sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kịp thời trình cấp có thẩm quyền xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền việc sắp xếp lại, xử lý đối với các tài sản công của các đơn vị thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức.

g) Kiểm soát chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại tại các đơn vị. Tận dụng, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại hiện có; chỉ thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm mới tài sản khi thực sự cần thiết và bảo đảm đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định. Kiên quyết thu hồi, xử lý theo quy định đối với những trường hợp trang bị sử dụng tài sản sai tiêu chuẩn, định mức, chế độ. Rà soát, điều chuyển tài sản từ nơi thừa sang nơi thiếu; thu hồi nộp ngân sách các khoản thu phát sinh từ sử dụng tài sản không đúng quy định.

h) Các đơn vị xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng phương tiện đi lại và thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng; quy định cụ thể về định mức tiêu hao xăng, dầu..., mở sổ theo dõi lịch trình hoạt động của từng xe ô tô, tàu, thuyền và các phương tiện đi lại khác. Không sử dụng xe ô tô công đưa đón cán bộ không có tiêu chuẩn từ nơi ở tới nơi làm việc và ngược lại, hoặc sử dụng xe ô tô công vào việc riêng trái quy định. Bố trí xe ô tô sử dụng chung khi đi công tác nhiều người hoặc sử dụng phương tiện công cộng khi không cần thiết phải đi xe ô tô riêng; tổ chức sử dụng hợp lý, tiết kiệm xe ô tô công trong các chuyến đi công tác cơ sở, phục vụ hội nghị.

i) Thực hiện đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện đi lại đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch. Triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp đúng quy định của pháp luật về đấu thầu; thực hiện có hiệu quả, đúng lộ trình quy định về mua sắm qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Tập trung chỉ đạo, xử lý ngay các trường hợp mua sắm tài sản có sử dụng vốn nhà nước lãng phí, kém hiệu quả, làm rõ và xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch trong đấu thầu mua sắm tài sản.

k) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ tổ chức triển khai công tác mua sắm tài sản để bảo đảm sử dụng, thực hiện dự toán mua sắm tài sản hiệu quả, tránh lãng phí. Chỉ đạo các đơn vị được giao dự toán mua sắm tài sản triển khai theo đúng tiến độ, đáp ứng yêu cầu trang bị sử dụng phục vụ hoạt động và nhiệm vụ chuyên môn. Kịp thời đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán chi mua sắm của đơn vị không thực hiện đúng tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các đơn vị có nhu cầu, có khả năng thực hiện nhưng chưa được bố trí dự toán mua sắm trong năm.

#### **4. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại doanh nghiệp**

##### **4.1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn; nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

#### **4.2. Chỉ tiêu thực hiện**

- a) Cục Tài chính doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định việc tổng hợp tình hình triển khai thực hiện trên toàn quốc để phục vụ công tác báo cáo tổng kết Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- b) Cục Tài chính doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp tình hình triển khai thực hiện trên toàn quốc để phục vụ công tác báo cáo tổng kết Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, trong đó đánh giá và có giải pháp cụ thể để đẩy nhanh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.
- c) Cục Tài chính doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia với các Bộ, ngành, địa phương khi được yêu cầu về hoàn tất việc sắp xếp lại khối doanh nghiệp nhà nước bảo đảm tiến độ, hiệu quả; xử lý dứt điểm những yếu kém, thất thoát của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.
- d) Đối với các doanh nghiệp do Bộ Tài chính là cơ quan đại diện chủ sở hữu, Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Tài chính ngân hàng hướng dẫn, phối hợp với các doanh nghiệp và đơn vị liên quan:

- Tiếp tục triển khai việc sắp xếp, xử lý nhà đất tại các doanh nghiệp theo quy định.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí, tối ưu nguồn lực từ đất đai; hoàn thành việc thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác theo kế hoạch, lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất và kinh doanh chính của doanh nghiệp.

#### **4.3. Giải pháp thực hiện**

- a) Cục Tài chính doanh nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sửa đổi) trình Chính phủ báo cáo Quốc hội thông qua trong tháng 5/2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, khả thi, tăng cường phân công, phân cấp; luật hóa các nội dung mang tính nguyên tắc trong Luật mới để công tác cổ phần hóa và thoái vốn đảm bảo công khai, minh bạch, theo cơ chế thị trường.
- b) Các doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính căn cứ quy định của pháp luật, Chương trình THTK, CLP năm 2025 của Bộ Tài chính và quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2025 để xác định các biện pháp, giải pháp THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo phù hợp, đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả.
- c) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công tác quản trị, công nghệ, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề sản xuất kinh doanh, chiến lược phát

triển, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

d) Đẩy mạnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát vốn, tài sản nhà nước.

## 5. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động

### 5.1. Nhiệm vụ trọng tâm

Hoàn thành sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy theo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

### 5.2. Chỉ tiêu thực hiện

a) Thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. Trọng tâm là sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt; đồng thời rà soát lại tất cả các hoạt động của các ban chỉ đạo theo hướng kết thúc hoạt động, chỉ giữ lại những ban chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ cần thiết.

Rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính để có giải pháp đề xuất xử lý trong quá trình sắp xếp; xây dựng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ, của cơ quan thuộc Bộ Tài chính.

b) Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo mục tiêu giai đoạn 2021 - 2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026.

c) Đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của CCVC, NLĐ trong các đơn vị thuộc Bộ trong xử lý công việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện tốt hơn nữa Quy chế làm việc của Bộ, ngành, địa phương và các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 280/CD-TTg ngày 19/4/2023, Công điện số 968/CD-TTg ngày 16/10/2023 về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các bộ, cơ quan, địa phương.

d) Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chi đao, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 20/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương phục vụ người dân, doanh nghiệp; Công

điên số 131/CĐ-TTg ngày 11/12/2024 Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp ngay từ khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Tài chính tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giai đoạn 2022 - 2025 theo Quyết định số 2475/QĐ-BTC ngày 29/11/2022, phấn đấu năm 2025 đạt mục tiêu 100% thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính được rà soát, đơn giản hóa. Đối với nhóm thủ tục hành chính nội bộ trọng tâm ưu tiên, Văn phòng Bộ đã trình Bộ trinh Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trọng tâm ưu tiên thuộc lĩnh vực quản lý công sản. Văn phòng Bộ theo dõi, đôn đốc đơn vị thực thi phương án đơn giản hóa sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đối với nhóm thủ tục hành chính nội bộ không thuộc lĩnh vực trọng tâm ưu tiên, Văn phòng Bộ thực hiện đôn đốc các đơn vị rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa thuộc lĩnh vực quản lý, trên cơ sở đó tổng hợp phương án, trình Bộ trinh Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đảm bảo năm 2025 tỷ cắt giảm đạt ít nhất 20% thủ tục hành chính và 20% chi phí tuân thủ).

### **5.3. Giải pháp thực hiện**

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, trong đó đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các đơn vị thuộc Bộ.

Tiếp tục nâng cao mức độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở kết quả hoạt động của đơn vị và quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

b) Thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ và tuyển dụng, sử dụng, kỷ luật CCVC để thu hút được người có năng lực, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CCVC và giảm khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ và công tác cán bộ.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý CB, CCVC, trong đó: tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đánh giá CB, CCVC theo tiêu chí, bằng sản phẩm, kết quả cụ thể; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá làm căn cứ trong bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật CB, CCVC

- Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CB, CCVC để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về CB, CCVC trong tình hình mới, trong đó cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CB, CCVC, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- c) Đảm bảo thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc tại cơ quan, công sở. Quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của CCVC.
- d) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, đạo đức công vụ và trách nhiệm thi hành công vụ của CCVC. Tổ chức thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiên quyết xử lý những CCVC có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực và không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ, những việc không được làm theo quy định của pháp luật.
- d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động chỉ đạo điều hành của đơn vị; khai thác hiệu quả các phần mềm dùng chung thống nhất trong toàn Ngành (như: Chương trình Quản lý văn bản và điều hành ngành Tài chính; phần mềm Quản lý cán bộ Bộ Tài chính theo mô hình tập trung; phần mềm Quản lý tài sản theo mô hình tập trung; phần mềm kế toán nội ngành...); khai thác tối đa trang thiết bị công nghệ thông tin sẵn có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất lao động, giảm văn bản, giấy tờ hành chính.
- e) Xây dựng môi trường, phong cách làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại và hiệu quả. Coi trọng việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phẩm chất đạo đức của CCVC, nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu đặt ra trong giai đoạn cải cách thủ tục hành chính.
- g) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các giải pháp tạo chuyển biến rõ nét về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặc biệt là trong các hệ thống cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước; tạo thuận lợi tối đa, giảm thời gian, chi phí giao dịch hành chính của người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính qua Hệ thống thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia,...

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính**

Căn cứ Chương trình THTK, CLP năm 2025 của Bộ Tài chính, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính triển khai ngay việc xây dựng và ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2025 của đơn vị, trong đó phải đảm bảo một số nội dung sau:

- 1.1. Thể hiện rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với từng lĩnh vực quản lý, khoản mục chi ngân sách, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; tiêu chí đánh giá, chế độ tổng hợp báo cáo, kiểm tra, giám sát công tác tổ chức và triển khai thực hiện.
- 1.2. Quy định cụ thể biện pháp phòng, chống và hạn chế lãng phí các nguồn lực trong thực hiện hoạt động của đơn vị. Xây dựng, triển khai thiết thực các cuộc vận động, phong trào thi đua về THTK, CLP, tạo khí thế thi đua sôi nổi, rộng khắp toàn xã hội.

1.3. Chương trình cần phân công rõ người chịu trách nhiệm từng khâu công việc để gắn với trách nhiệm của từng cá nhân lãnh đạo và CCVC được giao thực hiện nhiệm vụ trong đơn vị và phải được ban hành thành văn bản làm căn cứ kiểm tra, giám sát.

1.4. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính xây dựng và ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2025 của đơn vị, báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Chương trình THTK, CLP năm 2025 của Bộ Tài chính được ban hành.

1.5. Ban hành Quy chế chỉ đạo, phối hợp công tác giữa tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể trong đơn vị để góp phần nâng cao năng lực trong việc chỉ đạo, giám sát của cấp ủy Đảng và đoàn thể với chính quyền trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ và THTK, CLP.

## **2. Tiêu chí đánh giá**

Hằng năm, đơn vị sử dụng ngân sách các cấp thuộc Bộ Tài chính đánh giá kết quả THTK, CLP báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp, báo cáo kết quả THTK, CLP trong năm của toàn đơn vị, gửi về Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) theo đúng quy định tại Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả THTK, CLP trong chi thường xuyên và hướng dẫn kèm theo Chương trình này.

## **3. Kiểm tra, giám sát**

3.1. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Chương trình THTK, CLP; thanh tra, kiểm tra, xử lý việc thực hiện các quy định của pháp luật về các lĩnh vực liên quan đến THTK, CLP tạo chuyển biến tích cực trong THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị.

3.2. Các đơn vị xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra cụ thể (giao chỉ tiêu) liên quan đến THTK, CLP, trong đó:

a) Xây dựng kế hoạch và tập trung tổ chức kiểm tra, thanh tra một số nội dung, lĩnh vực, công trình, dự án trọng điểm, theo chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị mình và chỉ đạo công tác kiểm tra, tự kiểm tra tại các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

c) Thủ trưởng đơn vị cấp trên có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về công khai, minh bạch để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát THTK, CLP.

d) Đối với những vi phạm được phát hiện trong công tác thanh tra, kiểm tra, Thủ trưởng các đơn vị phải khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Xác định cụ thể trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức khi để xảy ra lãng phí tại cơ quan, đơn vị mình; trách nhiệm trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lãng phí.

đ) Người đứng đầu đơn vị sử dụng NSNN phải thực hiện chế độ công khai theo đúng quy định của pháp luật, tập trung thực hiện công khai việc sử dụng NSNN và các nguồn tài chính theo quy định. Khuyến khích thực hiện hình thức công khai trên trang thông tin điện tử nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm (trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật).

e) Thực hiện công khai trong THTK, CLP đặc biệt là công khai các hành vi lăng phí và kết quả xử lý hành vi lăng phí; nâng cao chất lượng và đổi mới cách thức đánh giá kết quả THTK, CLP đảm bảo so sánh một cách thực chất và minh bạch kết quả THTK, CLP giữa các cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao hiệu quả công tác này.

#### **4. Thông tin, tuyên truyền**

4.1. Xác định THTK, CLP là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với hoạt động của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; tuyên truyền sâu rộng đến từng CCVC thuộc phạm vi quản lý nhằm tăng cường hiểu biết pháp luật, nâng cao nhận thức về THTK, CLP. Tăng cường thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP trên các phương tiện thông tin của đơn vị.

4.2. Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính có các đơn vị cấp dưới trực thuộc chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức, triển khai công tác học tập, nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THTK, CLP và Chương trình về THTK, CLP năm 2025 của Bộ Tài chính trong toàn đơn vị.

4.3. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể, quần chúng trong đơn vị để thường xuyên thực hiện tuyên truyền, quán triệt Luật THTK, CLP, các Chương trình về THTK, CLP của cấp trên và của đơn vị đến tất cả các CCVC, NLĐ trong đơn vị.

4.4. Tiếp tục và duy trì tổ chức các lớp học tập, thảo luận chuyên đề về tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về THTK, chống tham ô, lăng phí, quan liêu.

#### **5. Báo cáo kết quả thực hiện THTK, CLP**

5.1. Chế độ báo cáo: Các đơn vị thuộc Bộ phải thực hiện chế độ Báo cáo tình hình thực hiện, kết quả THTK, CLP năm 2025 của toàn đơn vị, hệ thống gửi về Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp báo cáo Thanh tra Bộ Tài chính tổng hợp tình hình, kết quả THTK, CLP trình Chính phủ báo cáo Quốc hội theo quy định.

5.2. Thời gian gửi báo cáo: Báo cáo tình hình thực hiện và kết quả THTK, CLP năm 2025 của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch - Tài chính) trước ngày 31/01/2026 (chi tiết Mẫu biểu báo cáo theo Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo).

#### **6. Thi đua, khen thưởng, kỷ luật**

6.1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có sáng kiến, thành tích trong THTK, CLP, phát hiện, ngăn chặn hành vi gây lăng phí kinh phí NSNN, tiền, tài sản nhà nước, lao động trong khu vực nhà nước và tài nguyên thiên nhiên... được khen thưởng bằng tiền hoặc hiện vật có giá trị; được tặng thưởng các danh hiệu thi đua theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, số tiền tiết kiệm chống lăng phí được sử dụng theo quy định nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong THTK, CLP.

Việc khen thưởng và sử dụng khoản tiền tiết kiệm được phải thực hiện công khai tại đơn vị theo quy định của pháp luật.

6.2. Báo cáo cấp có thẩm quyền cắt giảm kinh phí của đơn vị hoặc xử lý kỷ luật đối với Thủ trưởng đơn vị không báo cáo kết quả THTK, CLP hoặc báo cáo chậm từ 03 lần trở lên. CCVC của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính có hành vi vi phạm quy định về THTK, CLP; người bao che, cản trở hoặc thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, phát hiện, xử lý người vi phạm quy định về THTK, CLP thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

6.3. Đưa kết quả về THTK, CLP tại đơn vị và việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo vào tiêu chí xem xét kết quả thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CCVC, NLĐ và người đứng đầu đơn vị. Đưa nội dung THTK, CLP vào Báo cáo sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết hàng năm của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính./.

## PHỤ LỤC SỐ 01

### MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TẠI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	Cách làm
1	Tiết kiệm điện	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khi ra khỏi phòng làm việc từ 30 phút trở lên phải tắt máy điều hòa, quạt, đèn chiếu sáng.</li><li>- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên, tắt bớt đèn chiếu sáng khi số người làm việc trong phòng giảm. Thiết kế, lắp đặt hệ thống chiếu sáng chung hợp lý, giảm ít nhất 50% số bóng điện chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sân, khu vệ sinh. Các thiết bị sử dụng điện phải được kiểm tra, tắt nguồn sau khi hết nhu cầu sử dụng hoặc hết giờ làm việc.</li><li>- Nghiên cứu phương án chiếu sáng sử dụng công nghệ đèn LED tiết kiệm điện để dần thay thế các bóng đèn huỳnh quang hiện đang sử dụng nhằm tăng tuổi thọ đèn và tiết kiệm điện.</li><li>- Đối với khu vực chiếu sáng công cộng ban đêm, tùy theo mùa: Mùa hè và mùa Thu: Đóng điện lúc 18h45' và ngắt lúc 5h; Mùa Đông và mùa Xuân: Đóng điện lúc 17h30' và ngắt điện lúc 6h. Phải tắt các đèn chiếu sáng công cộng tại những</li></ul>

		nơi không cần thiết.  <ul style="list-style-type: none"> <li>- Định kỳ tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng đường thông gió và đường dẫn nhiệt để tránh tổn thất điện năng. Dùng quạt thay thế điều hòa nhiệt độ khi thời tiết không quá nóng, quạt mát vừa đủ tránh lãng phí thiết bị điện và điện năng.</li> <li>- Chỉ sử dụng máy điều hòa nhiệt độ khi nhiệt độ môi trường từ 30°C trở lên, bật chế độ làm mát từ 25°C trở lên. Trong trường hợp phòng họp đông người, các phòng có nhiều máy tính, và các máy chuyên dụng khác, có thể được đặt nhiệt độ dưới 26°C, nhưng không dưới 24°C; Buổi sáng mở hệ thống điều hòa không khí từ 7h30' và buổi chiều tắt điều hòa lúc 17h00' (trừ một số trường hợp đặc biệt). Bố trí thời gian hoạt động các thang máy hợp lý, ngoài giờ làm việc chỉ để hoạt động 2 thang máy mỗi tầng tòa nhà.</li> <li>- Nếu được đun nước uống, thì không được cắm phích đun điện trong nhiều giờ, mà khi nước sôi phải đồ ra phích chúa dùng cả ngày. Chỉ được sử dụng các thiết bị điện do cơ quan trang bị. Không sử dụng các thiết bị điện (lò vi sóng, nồi cơm điện, bếp điện từ, bếp hồng ngoại...) tự mang vào cơ quan.</li> </ul>
2	Tiết kiệm nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tắt và kiểm tra vòi nước sau khi sử dụng, nếu phát hiện vòi nước, đường truyền dẫn nước rò rỉ phải báo cho bộ phận chức năng để kịp thời sửa chữa.</li> <li>- Bộ phận được phân công phụ trách có trách nhiệm theo dõi hạn mức sử dụng nước, tiền phí sử dụng nước hàng tháng để phát hiện đột biến, tìm nguyên nhân gây thất thoát (do sử dụng hay do hư hỏng đường ống dẫn nước) để có biện pháp xử lý kịp thời.</li> </ul>
3	Tiết kiệm văn phòng phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện rà soát kỹ văn bản trên máy tính để không phải in lại nhiều lần; Khuyến khích sử dụng thư điện tử và trao đổi thông tin trên mạng máy tính nội bộ.</li> <li>- Khi có nhu cầu in ấn: phải thực hiện in hoặc photocopy 2 mặt của giấy; hạn chế thấp nhất việc in ấn trên 01 mặt giấy.</li> <li>- Thực hiện khoán chi văn phòng phẩm, cần mua sắm theo đúng nhu cầu thực tế sử dụng.</li> </ul>
4	Tiết kiệm trong sử dụng điện thoại	Xây dựng định mức sử dụng thiết bị thông tin liên lạc theo Quy chế chi tiêu nội bộ, nên xây dựng mức khoán cụ thể cho đơn vị mình để tiết kiệm thêm chi phí. Trường hợp cá nhân sử dụng vượt định mức khoán thì cá nhân phải tự

thanh toán. Mọi thông tin liên lạc trong nội bộ cơ quan nên sử dụng mạng nội bộ, hạn chế điện thoại di động.

## PHỤ LỤC SỐ 02

### ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ (Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở các nội dung hướng dẫn tại Đề cương này, xây dựng các báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt là “THTK, CLP”), phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị và bảo đảm đúng yêu cầu, quy định của Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.

Báo cáo định kỳ về THTK, CLP của đơn vị trình bày theo các nội dung chính như sau:

TÊN CƠ QUAN  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: /BC-....

....., ngày ... tháng ... năm ...

### BÁO CÁO

#### Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Năm....

#### I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức THTK, CLP

Phần này trình bày báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo về THTK, CLP của Thủ trưởng đơn vị trong kỳ báo cáo. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý (Báo cáo, đánh giá cụ thể về những công việc đã và đang thực hiện trong kỳ, kết quả đạt được theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo).
- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP của đơn vị (Nêu rõ các văn bản mang tính chất chỉ đạo, điều hành công tác THTK, CLP; nêu rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá tiết kiệm đã đề ra trong Chương trình THTK, CLP; các biện pháp về THTK, CLP đã đề ra và tình hình, kết quả triển khai thực hiện

các biện pháp này theo tiến độ đến cuối kỳ báo cáo (bao gồm các biện pháp đã triển khai thực hiện từ trước kỳ báo cáo, đến kỳ báo cáo vẫn phát huy tác dụng và có kết quả cụ thể).

Các cơ quan, đơn vị, Tổng cục có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực báo cáo, đánh giá tình hình, kết quả công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo việc THTK, CLP trong lĩnh vực quản lý nhà nước đơn vị, ngành mình trên phạm vi cả nước trong kỳ báo cáo; so sánh kết quả của kỳ báo cáo với kỳ trước và với kế hoạch đã đề ra (kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm); đánh giá mặt tích cực, hiệu quả và những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP trong kỳ báo cáo. Trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Các đơn vị báo cáo tình hình, kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ (về các nội dung, lĩnh vực được quy định tại Điều 10 và các quy định tại Chương 2, Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13); tình hình, kết quả xử lý vi phạm, lãng phí phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nội bộ do các cơ quan, tổ chức của đơn vị thực hiện tính đến cuối kỳ báo cáo. Đánh giá về tình hình phát hiện và xử lý lãng phí thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của các đơn vị dự toán ngành Tài chính trong kỳ báo cáo (so sánh với kỳ trước, năm trước); báo cáo về các trường hợp, vụ việc xảy ra lãng phí tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của các đơn vị dự toán ngành Tài chính và tình hình, kết quả xử lý đến cuối kỳ báo cáo.
- Tình hình, kết quả, công tác phối hợp với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khác trong kỳ báo cáo.
- Cục Kế hoạch - Tài chính báo cáo tổng hợp chung tình hình, kết quả công tác thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm, lãng phí phát hiện qua thanh tra trên phạm vi toàn ngành.

## II. Tình hình, kết quả THTK, CLP

Phần này trình bày báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả THTK, CLP tổng hợp chung của các đơn vị trong kỳ báo cáo, có so sánh với mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chương trình THTK, CLP và tình hình, kết quả của kỳ trước, năm trước trong từng lĩnh vực, nội dung quy định tại Luật THTK, CLP:

### 1. Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực

a) THTK, CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ: Báo cáo, đánh giá về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế; việc xây dựng, ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ thuộc trách nhiệm, thẩm quyền, phạm vi quản lý của các đơn vị (Báo cáo, đánh giá rõ về những việc đã và đang thực hiện; so sánh với yêu cầu, nhiệm vụ, kế hoạch được giao đến cuối kỳ báo cáo; có số liệu cụ thể để minh họa);

b) THTK, CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN); Trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- THTK, CLP trong một số trường hợp sử dụng NSNN: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm; cù cán bộ, công chức, viên chức đi công tác, khảo sát trong và ngoài nước; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; sử dụng điện, nước; sử dụng văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí; tiếp khách, khánh tiết; tổ chức lễ hội, lễ kỷ niệm;
- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy...);
- Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức;
- Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo.

c) THTK, CLP trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước. Bao gồm:

- THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại;
- THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc;
- THTK, CLP trong mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện thông tin, liên lạc.

Trong đó, tập trung vào một số nội dung sau:

- Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 3, Chương 2 Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.
- Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc tổng hợp chung của các đơn vị so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

d) THTK, CLP trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng. Bao gồm:

- THTK, CLP trong đầu tư xây dựng;
- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng.

Trong đó, tập trung vào một số nội dung:

- Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 4, Chương 2 Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.
- Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng tại các cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản

lý của các đơn vị, so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch tiết kiệm đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

đ) THTK, CLP trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của các đơn vị. Bao gồm:

- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong cơ quan nhà nước;
- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong các cơ quan, tổ chức khác.

Trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

- + Tình hình, kết quả thực hiện các quy định tại Mục 6, Chương 2 Luật THTK, CLP số 44/2013/QH13.
- + Số liệu cụ thể về kết quả thực hiện tiết kiệm trong quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; tình hình, kết quả công tác cải cách hành chính, tinh giảm biên chế, sắp xếp tổ chức, bộ máy..., so sánh với chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra và so với cùng kỳ năm trước, kỳ trước.

e) THTK, CLP trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Phần này yêu cầu báo cáo riêng đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính. Trong đó tập trung vào các nội dung sau:

- Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh;
- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng;
- Tiết kiệm trong sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN;
- Tiết kiệm trong mua sắm phương tiện;

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện;
- Số vụ việc đã được xử lý;
- Số người vi phạm và hình thức xử lý.

3. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được:

- Đánh giá toàn diện kết quả đạt được trên các mặt chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong tất cả các lĩnh vực đã nêu ở trên;
- So sánh, đối chiếu giữa kết quả đạt được với mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí đã đề ra trong chương trình THTK, CLP của năm báo cáo trong tất cả các lĩnh vực nêu trên.

b) Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân;

Từ kết quả đã đạt được, những nhận xét, đánh giá trên các lĩnh vực của đơn vị, rút ra những ưu, nhược điểm trong THTK, CPL. Phân tích nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của những tồn tại, hạn chế, nhược điểm khi THTK, CLP tại đơn vị.

c) Những kinh nghiệm rút ra.

### **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về THTK, CLP cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo**

1. Phương hướng, nhiệm vụ THTK, CLP chung của các đơn vị trong thời gian tiếp theo
2. Các giải pháp tăng cường THTK, CLP, khắc phục tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý các đơn vị dự toán ngành Tài chính trong kỳ sau, năm sau và giai đoạn tiếp theo.

### **IV. Đề xuất, kiến nghị về THTK, CLP**

Phần này trình bày về các đề xuất, kiến nghị với Bộ Tài chính, Chính phủ thông qua Cục Kế hoạch - Tài chính. Tập trung vào một số nội dung sau:

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THTK, CLP
3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THTK, CLP
4. Các kiến nghị khác (nếu có).

### **PHỤ LỤC SỐ 03**

**KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM....**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)*

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của	Kế hoạch	Kết quả	So sánh với năm trước và kế hoạch	Ghi chú
----	----------	-------------	-------------	----------	---------	-----------------------------------	---------

			năm trước	của năm báo cáo	năm báo cáo	So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5 (%)	9
<b>I</b>	<b>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</b>							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	trđ						
<b>II</b>	<b>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</b>							
1	<b>Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN</b>							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	trđ						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	trđ						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	trđ						
1.4	Các nội dung khác							
2	<b>Sử dụng và thanh quyết</b>							

	<b>toán NSNN</b>						
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:						
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	trđ					
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>	trđ					
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)						
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	trđ					
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	trđ					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	trđ					
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	trđ					
	<i>Các nội dung khác</i>						
2.2	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	trđ					
2.3	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	trđ					
							Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt

2.4	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	trđ						
<b>3</b>	<b>Sử dụng, quyết toán NSNN lăng phí, sai chế độ</b>							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lăng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	trđ						
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>							
<b>III</b>	<b>Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước</b>							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc						
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc						
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc						
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	trđ						
<b>2</b>	<b>Tài sản khác</b>							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	trđ						

3	Các nội dung khác						
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng						
1	Trong đầu tư xây dựng						
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án					
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	trđ					
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	trđ					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	trđ					
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	trđ					
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	trđ					
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	trđ					
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án					
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ						
	<i>Số lượng</i>	dự án					
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	trđ					
2	Trụ sở làm việc						
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>					
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>					
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sáp xếp lại	m <sup>2</sup>					
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế	m <sup>2</sup>					

	độ						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>					
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	trđ					
<b>3</b>	<b>Nhà công vụ</b>						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m <sup>2</sup>					
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m <sup>2</sup>					
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m <sup>2</sup>					
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m <sup>2</sup>					
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m <sup>2</sup>					
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	trđ					
<b>4</b>	<b>Các nội dung khác</b>						
<b>V</b>	<b>Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước</b>						
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ					
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	trđ					
3	Các nội dung khác						
<b>VI</b>	<b>Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp</b>						
<b>1</b>	<b>Tiết kiệm chi phí, giá thành SXKD</b>						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	trđ					
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	trđ					

	Tiết kiệm điện	Kw/h					
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)					
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	trđ					
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	trđ					
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	trđ					
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	trđ					
<b>2</b>	<b>Quản lý đầu tư xây dựng</b>						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án					
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án					
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được						
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	trđ					
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	trđ					
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	trđ					
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	trđ					
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn						
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	dự án					
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	trđ					
2.5	Các nội dung khác						
<b>3</b>	<b>Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN</b>						
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	trđ					
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn</i>	trđ					

	<i>được duyệt</i>						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	trđ					
<b>4</b>	<b>Mua sắm phương tiện</b>						
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con						
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc					
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc					
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	trđ					
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc					
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	trđ					
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc					
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc					
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	trđ					
<b>5</b>	<b>Nợ phải thu khó đòi</b>						
	Số đầu năm	trđ					
	Số cuối năm	trđ					
<b>6</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>						
	Số đầu năm	trđ					
	Số cuối năm	trđ					
<b>VII</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP</b>						
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc					
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc					
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về	cơ quan/tổ					

THTK, CLP	chức/đơn vị						
4 Só cơ quan, tổ chức, đơn vị có lăng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5 Tổng giá trị tiền, tài sản bị lăng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	trđ						
6 Tổng giá trị tiền, tài sản lăng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	trđ						

**Ghi chú:** Việc xác định số liệu về tiết kiệm, lãng phí, vi phạm căn cứ trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Luật THTK, CLP và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; các chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc so sánh giữa Chương trình THTK, CLP (mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm) đã đề ra với thực tế thực hiện, hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát.

PHỤ LỤC SỐ 04

## KẾT QUẢ XỬ LÝ HÀNH VI LÃNG PHÍ NĂM ....

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

Tổng														
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

**Ghi chú:** Cột “Đơn vị” để các Tổng cục thống kê kết quả của các đơn vị trực thuộc.

## PHỤ LỤC SỐ 05

### BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM 2025 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
A.	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II+III)</b>	<b>70</b>	
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	
1	Chi sách, báo, tạp chí	6	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	
3	Chi sử dụng điện	6	
4	Chi xăng, dầu	6	
5	Chi sử dụng nước	6	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; Kinh phí bố trí để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù như: Kinh phí tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế được bố trí kinh phí riêng; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	
II	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền (trường hợp đơn vị sử dụng ngân sách không có chức danh lãnh đạo có đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được điểm tối đa tiêu chí này)	5	
	Đã thực hiện khoán	5	

	Chưa thực hiện khoán	0	
III	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
B.	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ đối với cơ quan nhà nước (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	<b>30</b>	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
C.	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		
1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	

ngày....tháng....năm 20...  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

## PHỤ LỤC SỐ 06

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA  
 ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2025  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)*

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
A.	<b>Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II)</b>	<b>70</b>	
I	Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể	55	

1	Chi sách, báo, tạp chí	6	
2	Chi cước phí thông tin liên lạc	6	
3	Chi sử dụng điện	6	
4	Chi xăng, dầu	6	
5	Chi sử dụng nước	6	
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp	6	
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm	6	
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc	6	
9	Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	7	
II	Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế	15	
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
2	Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bao đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	5	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	5	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
B.	<b>Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)</b>	30	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
C.	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>		

1	Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
2	Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	
3	Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ.	-5	

....., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

**PHỤ LỤC SỐ 07**

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN  
DÙNG CHO ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CÓ ĐƠN VỊ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP  
DƯỚI (TRỪ BỘ TÀI CHÍNH) NĂM...

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C)</b>	<b>100</b>	
A	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	30	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	30	
B.	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	50	
	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	50	
2	Từ 50% đến 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	45	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	40	

4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp đạt 80 điểm trở lên	35	
C	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	20	
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	10	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	6	

....., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

## PHỤ LỤC SỐ 08

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ  
TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA BỘ TÀI CHÍNH NĂM ...**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>	100	
A.	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	10	
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của Bộ, cơ quan ở Trung ương	2,5	

	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2,5	
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1,5	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	2,5	
	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	2,5	
	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
III	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	5	
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	
3	Không ban hành	0	
<b>B.</b>	<b>Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên</b>	<b>40</b>	
I	Tiết kiệm kinh phí các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại Bộ, cơ quan trung ương	5	
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được	15	

	giao		
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	
	Đã thực hiện khoán	5	
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	<b>Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp</b>	<b>40</b>	
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	20	
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	20	
2	Từ 50 % - 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	10	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	5	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Bộ thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Các Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	20	
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	20	
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	

<b>D.</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	<b>10</b>	
	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra	2	
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	

....., ngày....tháng....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)

## PHỤ LỤC SỐ 09

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THTK, CLP TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)*

STT	Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	CÁCH CHẤM ĐIỂM
I	<b>Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	
1	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Căn cứ vào ngày ban hành Quyết định Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm đánh giá của đơn vị. Trường hợp ban hành Chương trình sau ngày 31/12 của năm đánh giá được xác định là “không ban hành”.
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	Tính điểm trên cơ sở so sánh giữa mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên, quản lý và sử dụng lao động nêu tại Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị với chỉ tiêu tương ứng tại Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ năm đánh giá. Nếu Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị đưa ra đầy đủ các chỉ tiêu, mức chỉ tiêu bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu nêu tại Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống

		lãng phí của Chính phủ thì được điểm tối đa; không đưa ra đầy đủ các chỉ tiêu hoặc mức chỉ tiêu thấp hơn thì điểm đánh giá là 0 điểm.
3	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Căn cứ vào văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của người có thẩm quyền trong năm đánh giá của đơn vị. Trường hợp ban hành văn bản sau ngày 31/12 của năm đánh giá được xác định là "không ban hành".
<b>II Một số chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên</b>		
1	Kết quả tiết kiệm cụ thể trong chi thường xuyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tính tỷ lệ tiết kiệm (tỷ lệ %) của đơn vị đối với từng tiêu chí thành phần theo công thức: <math>(\text{số liệu dự toán} - \text{số liệu thực chi})/\text{số liệu thực chi}</math>.</li> </ul>
1.1	Phụ lục số 05: Chỉ tiêu từ số 1 đến chỉ tiêu số 9 mục I.	<p>Ví dụ 1: Tại Bộ Tài chính trong năm 2023, tình hình thực hiện chi hội nghị, công tác phí trong nước như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số dự toán được giao cho tổ chức hội nghị, công tác phí trong nước là: 12.210 triệu đồng</li> <li>- Số chi thực tế tổ chức hội nghị, công tác phí trong nước: 10.701 triệu đồng</li> <li>So sánh số chi thực tế thực hiện với số dự toán được giao (%): <math>(12.210 - 10.701)/10.701 * 100\% = 14,10\%</math>.</li> <li>- Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: (chi tiêu tiết kiệm của đơn vị đạt được nhân với điểm tối đa đối với chỉ tiêu này)/chi tiêu tiết kiệm nêu tại Chương trình tổng thể của Chính phủ hàng năm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy).</li> </ul>
1.2	Phụ lục số 06: Chỉ tiêu từ số 1 đến chỉ tiêu số 9 mục I.	<p>Ví dụ 2: chỉ tiêu tiết kiệm trong chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp trong Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm đánh giá là tối thiểu 12%.</p> <p>Trường hợp đơn vị tiết kiệm được từ 12% trở lên thì đạt điểm tối đa là 6 điểm, trường hợp tiết kiệm 8% thì được 4 điểm, trường hợp không tiết kiệm thì không được điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp Chương trình tổng thể của Chính phủ năm đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên không nêu cụ thể chỉ tiêu tiết kiệm thì sử dụng chỉ tiêu tiết kiệm là 10%. Có nghĩa là nếu đơn vị đạt chỉ tiêu tiết kiệm 10% thì đơn vị đó được mức điểm tối đa đối với tiêu chí đó.</li> <li>- Trường hợp đơn vị được giao dự toán nội dung chi nhưng không phát sinh khoản chi phí này thì không được điểm.</li> </ul>
1.3	Phụ lục số 08: Chỉ tiêu I phần Đ	

<b>III</b>	<b>Kết quả tiết kiệm tổng kinh phí chi thường xuyên và tổng kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ</b>	
1	Phụ lục số 05: Phần B; Phụ lục số 06: Phần B	- Cách tính tiết kiệm tương tự hướng dẫn tại điểm 1, mục II nêu trên; căn cứ tỷ lệ tiết kiệm đạt được để tính điểm tiêu chí này cho đơn vị. Ví dụ: Tại Phụ lục số 5, phần B, trường hợp cơ quan nhà nước là đơn vị sử dụng ngân sách có số tiết kiệm chi quản lý hành chính là 4%, thì điểm của đơn vị trong trường hợp này là 10 điểm; nếu đơn vị tiết kiệm được 8% thì điểm của đơn vị là 20 điểm; nếu đơn vị tiết kiệm được 10% thì đơn vị được điểm tối đa là 30 điểm.
2	Phụ lục số 07: Phần A	
3	Phụ lục số 08: Chỉ tiêu II Phần B	- Đối với Phụ lục số 07 (phần A); phụ lục số 08 (chỉ tiêu II phần B): Dự toán chi thường xuyên tại các chỉ tiêu này là dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.
<b>IV</b>	<b>Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên</b>	
1	- Phụ lục số 05: Phần C; - Phụ lục số 06: Phần C;	Trường hợp kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán kết luận đơn vị có khoản chi sai định mức tiêu chuẩn, chế độ vào năm ngân sách khác với năm đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thì tính điểm trừ vào năm đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đó. Ví dụ: Cơ quan thanh tra kiểm toán phát hiện đơn vị X có 4 khoản chi sai định mức tiêu chuẩn, chế độ khi thanh tra, kiểm toán sử dụng kinh phí chi thường xuyên năm 2014 của đơn vị. Năm thanh tra kiểm toán phát hiện có kết luận là năm 2017 thì sẽ tính điểm trừ khi đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2017 của đơn vị X.
<b>V</b>	<b>Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí</b>	
1	Tiêu chí thành phần - Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của đơn vị. Nếu có xây dựng kế hoạch trong năm đánh giá thì được điểm tối đa, nếu không xây dựng kế hoạch thì được 0 điểm.
2	Tiêu chí thành phần - Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: tỷ lệ % hoàn thành nhân với điểm tối đa của tiêu chí này (làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy)
3	Tiêu chí thành phần - Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống	Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác của đơn vị. Nếu có kế hoạch thì được điểm tối đa, nếu không xây dựng kế hoạch thì được 0 điểm.

	lãng phí	
4	Tiêu chí thành phần - Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Tính điểm của đơn vị đạt được trên cơ sở công thức sau: tỷ lệ % hoàn thành nhân với điểm tối đa của tiêu chí này (làm tròn đến 2 chữ số thập phân sau dấu phẩy)